

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **10/2023/KDTM-PT**

Ngày 12-5-2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Các Thẩm phán:

Bà Dương Thị Hồng Minh

Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Trần Quang Nóp - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 12 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2022/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 10 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2023/QĐXX-PT ngày 17 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa: 36/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2023; Thông báo hoãn phiên tòa số: 61/TB-TA ngày 15 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa: 88/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2023 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 32/2023/TB-TA ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty V**. Địa chỉ: A, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: **Ngân hàng Z** (theo Hợp đồng ủy quyền số 6962/2018/ ngày 29 tháng 12 năm 2019). Ngân hàng Z ủy quyền tham gia tố tụng cho các ông bà gồm:

Bà Nguyễn Thị Kim X, Giám đốc khối QLKH Khu vực Miền Trung (vắng mặt).

Ông Nguyễn Xuân S - Chuyên gia cao cấp (vắng mặt).

Ông Hoàng Thế Q - Chuyên gia (có mặt).

Ông Nguyễn Văn L - Chuyên viên tố tụng (có mặt).

(Theo Giấy ủy quyền số 10998/UQ-PVB ngày 02/11/2017 của ông Nguyễn Đình L, Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật và Giấy ủy

quyền số 1608/UQ - PVB ngày 02 tháng 12 năm 2019 của ông Mai Xuân Th, Giám đốc Khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản).

2. Bị đơn: **Công ty S**; Địa chỉ trụ sở: Số A, đường N, quận T, thành phố Đà Nẵng.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Nhân viên Công ty S; (theo giấy ngày 24/8/2020 của ông Lê Bá H - Giám đốc) (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh S - Luật sư của Công ty Luật H - thuộc đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người kháng cáo: Công ty S - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Nguyên đơn trình bày:** Công ty S vay vốn tại ngân hàng Z theo 04 Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 16/2015/HĐTD-PVB-CNDNg ngày 02/11/2015 với hạn mức 145.000.000.000đ. Lãi hiện tại là 12%/năm, lãi quá hạn là 18%/năm. Đã giải ngân toàn bộ số tiền: 145.000.000.000đ;

- Hợp đồng tín dụng số: 17/2015/HĐTD-PVB-CNDNg ngày 02/11/2015 có trị giá 22.000.000.000đ. Lãi suất hiện tại là 12%/năm, quá hạn là 18%/năm. Đã giải ngân toàn bộ số tiền: 22.000.000.000đ;

- Hợp đồng tín dụng số: 22/2016/HĐTD-PVB-CNĐN ngày 27/7/2016 có trị giá hạn mức 9.991.800.000đ. Lãi suất hiện tại là 11%/năm, quá hạn 16,5%/năm. Đã giải ngân trong hạn mức số tiền: 1.348.200.000đ

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số: 44/2016/HĐHM-PVB-CNĐN ngày 14/11/2016 và Phụ lục số PL 01-44/2016/HĐHM-PVB-CNĐN ngày 24/01/2017 có giá trị hạn mức 7.500.000.000đ. Lãi suất hiện tại quá hạn 13,8%/năm. Đã giải ngân trong hạn mức số tiền: 7.499.004.866đ

Ngân hàng Z đã giải ngân cho công ty s với tổng dư nợ tính đến nay là 175.847.204.866đ. Tính đến ngày 20/11/2019, công ty s đã thanh toán nợ cho ngân hàng Z tổng số tiền: 35.008.793.875đ, trong đó nợ gốc: 1.937.862.110đ và nợ lãi: 33.070.931.765đ. Phần nghĩa vụ vi phạm tính đến hết ngày 20/11/2019 là: 233.814.818.324đ, trong đó nợ gốc: 173.514.133.756 đồng và tiền lãi: 60.300.684.568 đồng.

Để đảm bảo nợ vay, công ty s đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình, cụ thể như sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 26/2015/HĐBĐ/PVB-CNĐNg ngày 05/11/2015 và Phụ lục sửa đổi Hợp đồng thế

chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: PL01-26/2015/HĐBĐ-PVB-CNĐNg ngày 24/01/2017 với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CAXXX do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/6/2015.

- Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số: 28/2015/HĐBĐ-PVB-CNĐNg ngày 19/01/2016 với tài sản thế chấp là toàn bộ máy móc thiết bị thuộc công trình khách sạn CÔNG TY S (là các tài sản gắn liền và không thể tách rời với các công trình khách sạn Công ty S).

- Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 22/2016/HĐBĐ-PVB-CNĐN ngày 27/7/2016, tài sản thế chấp là xe ô tô Mercedes biển kiểm soát số 43A-XXX theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/7/2016.

Ngày 29/12/2018, ngân hàng Z đã thực hiện việc bán nợ của công ty S tại ngân hàng Z cho Công ty V theo Hợp đồng mua, bán nợ số: 6961/2018 ngân hàng Z và đã gửi Công văn số 1407/PVB-QL& TCTTS để thông báo cho Công ty S về việc mua, bán nợ, cũng như tiếp tục thực hiện các phương án xử lý đối với khoản nợ của công ty S.

Do công ty S vi phạm cam kết trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng, không tự nguyện bàn giao tài sản bảo đảm theo cam kết cũng như cố tình cản trở công ty V thực hiện quyền theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên công ty V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

- Buộc công ty S phải trả cho công ty V tổng số tiền 246.226.548.732 đ, trong đó nợ gốc: 173.514.133.756đ và nợ lãi tính đến ngày 21/5/2020: 72.712.414.976đ

- Công ty S phải tiếp tục trả cho công ty V các khoản nợ lãi, phí phạt chậm trả phát sinh theo mức lãi suất theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số: 16/2015/HĐTD-PVB-CNĐNg ngày 02/11/2015; Số 17/2015/HĐTD-PVB-CNĐN; Số 22/2016/HĐTD-PVB-CNĐN ngày 27/7/2016; Số 44/2016/HĐHM-PVB- CNĐN ngày 14/11/2016 và Phụ lục số PL 01-44/VB-CNĐN ngày 24/01/2017 kể từ ngày 22/5/2020 cho đến khi tất toán toàn bộ các khoản vay.

- Nếu công ty S không thanh toán được toàn bộ nghĩa vụ nợ thì công ty V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại đồng thời hoặc lần lượt các tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo các Hợp đồng thế chấp nêu trên.

***Bị đơn trình bày:** Công ty S thừa nhận còn nợ công ty V số tiền là 233.814.818.324đ, trong đó dư nợ gốc là 173.514.133.756đ và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 20/11/2019 là 60.300.684.568đ. Tuy nhiên, hiện nay công ty S đang khó

khẩn về kinh tế nên chưa thể trả số nợ trên cho nguyên đơn được, khi nào công ty S bán được khách sạn công ty S thì sẽ trả nợ trên.

Ngân hàng Z đã bán các khoản nợ cho công ty V. Nếu công ty V khởi kiện đòi nợ thì công ty S chấp nhận còn nếu tranh chấp hợp đồng kinh tế thì công ty S không chấp nhận vì giữa hai bên không có hợp đồng kinh tế nào (không đồng ý cho công ty V xử lý tài sản thế chấp).

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2020/KDTM-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Công ty V với Công ty S.

2. Xử: Buộc công ty S phải trả cho Công ty V tổng số tiền 246.226.548.732đ. Trong đó có 173.514.133.756đ nợ gốc và 72.712.414.976đ nợ lãi.

Tiền nợ lãi tiếp tục tính kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2020 theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng số 16/2015/HĐTD-PVB-CNĐNg ngày 02/11/2015; số 17/2015/HĐTD-PVB-CNĐNg; số 22/2016/HĐTD. PVB-CNĐN ngày 27/7/2016; hợp đồng hạn mức tín dụng số 44/2016/HĐHM PVB-CNĐN ngày 14/11/2016 và Phụ lục số PL 01-44/2016/HĐHM-PVB-CNĐN.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý tài sản thế chấp, án phí, lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ, quyền kháng cáo và các quy định về quyền, nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 01/6/2020, bị đơn có đơn kháng cáo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm.

Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 19/2020/KDTM-PT ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2020/KDTM - ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Công ty S còn nợ Công ty V tổng số tiền 261.387.285.4834 (hai trăm sáu mươi một tỷ, ba trăm tám mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi lăm ngàn, bốn trăm tám mươi ba đồng). Trong đó, nợ gốc là 173.514.133.756đ và nợ lãi tính đến hết ngày 26/10/2020 là: 87.873.151.727đ, gồm: lãi trong hạn là 66.523.121.181đ, lãi quá hạn là 9.417.044.819đ và lãi phạt trên lãi quá hạn là 11.932.985.727đ.

2. Các khoản nợ lãi trên tiếp tục tính kể từ ngày 27 tháng 10 năm 2020 theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng số 16/2015/HĐTD PVB-CNĐNg ngày 02/11/2015; số 17/2015/HĐTD-PVB-CNĐNg; Số 22/2016/HĐTD PVB-CNĐN ngày 27/7/2016; Hợp đồng hạn mức tín dụng Số

44/2016/HĐHM-PVB-CNĐN ngày 14/11/2016 và Phụ lục số PL 01-44/VB-CNĐN ngày 24/01/2017 cho đến khi tất toán.

Ngoài ra, Bản án phúc thẩm còn công nhận về thời gian trả nợ, quyết định về xử lý tài sản thế chấp, án phí, chi phí tố tụng và quy định về thi hành án.

Ngày 03/11/2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số: 122/QĐKNGĐT- VKS-KDTM, với nội dung đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sửa một phần Bản án kinh doanh kinh doanh thương mại phúc thẩm số 19/2020/KDTM-PT ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng theo hướng không công nhận sự thỏa thuận của các đương sự đối với khoản tiền lãi phạt trên lãi quá hạn là: 11.932.985.727 đồng, tiếp tục tính lãi đối với khoản tiền lãi phạt lãi quá hạn kể từ ngày 27/10/2020 và án phí liên quan đến khoản tiền lãi phạt lãi quá hạn nêu trên.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số: 13/2022/KDTM-GĐT ngày 25/9/2022 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số: 122/QĐKNGĐT- VKS-KDTM ngày 03/11/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số: 19/2020/KDTM-PT ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn là Công ty V với bị đơn là Công ty S.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Sau khi Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thụ lý lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm số 04/2020/KDTM-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân quận H theo hướng không chấp nhận tiền lãi phạt trên lãi chậm trả đối với số tiền 9.217.354.188 đồng. Án phí các bên đương sự chịu theo quy định pháp luật.

Luật sư vắng mặt nhưng tại bài luận cứ cũng đề nghị HĐXX xem xét tại thời điểm xét xử phúc thẩm ngày 27/10/2020 về nợ gốc: 173.514.133.756 đồng; lãi trong hạn: 66.523.121.181 đồng; lãi quá hạn: 9.417.004.819 đồng. Đề nghị HĐXX không chấp nhận đối với lãi phạt trên lãi quá hạn : 11.932.985.727 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 01/06/2020 Công ty S có đơn kháng cáo là trong thời hạn luật định, nên hợp lệ.

[2] Về nội dung kháng cáo: Công ty S kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 04/2020/KDTM-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng, với lý do Tòa án nhân dân quận H xác định quan hệ tranh chấp không đúng dẫn đến thụ lý, giải quyết vụ án không đúng thẩm quyền, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm nói trên.

[2.1] Xét nội dung kháng cáo về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân quận H, thấy:

Công ty S vay vốn tại ngân hàng Z có trụ sở tại Lô A2.1 đường 30/4, phường Hòa Cường Bắc, quận H, thành phố Đà Nẵng; theo 04 Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: **16/2015/HĐTD-PVB-CNDN** ngày 02/11/2015 với hạn mức 145.000.000.000đ. Lãi hiện tại là 12%/năm, lãi quá hạn là 18%/năm. Đã giải ngân toàn bộ số tiền: 145.000.000.000đ;

- Hợp đồng tín dụng số: **17/2015/HĐTD-PVB-CNĐN** ngày 02/11/2015 có trị giá 22.000.000.000đ. Lãi suất hiện tại là 12%/năm, quá hạn là 18%/năm. Đã giải ngân toàn bộ số tiền: 22.000.000.000đ;

- Hợp đồng tín dụng số: **22/2016/HĐTD-PVB-CNĐN** ngày 27/7/2016 có trị giá hạn mức 9.991.800.000đ. Lãi suất hiện tại là 11%/năm, quá hạn 16,5%/năm. Đã giải ngân trong hạn mức số tiền: 1.348.200.000đ

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số: **44/2016/HĐHM-PVB-CNĐN** ngày 14/11/2016 và Phụ lục số PL 01-44/2016/HĐHM-PVB-CNĐN ngày 24/01/2017 có giá trị hạn mức 7.500.000.000đ. Lãi suất hiện tại quá hạn 13,8%/năm. Đã giải ngân trong hạn mức số tiền: 7.499.004.866đ

Ngân hàng Z đã giải ngân cho công ty S với tổng dư nợ tính đến nay là 175.847.204.866đ. Tính đến ngày 20/11/2019, công ty S đã thanh toán nợ cho ngân hàng Z tổng số tiền: 35.008.793.875đ, trong đó nợ gốc: 1.937.862.110đ và nợ lãi: 33.070.931.765đ.

Do công ty S vi phạm cam kết trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng, không tự nguyện bàn giao tài sản bảo đảm theo cam kết, nên Công ty V khởi kiện yêu cầu Tòa

án nhân dân quận H, giải quyết thu hồi nợ và tài sản thế chấp theo quy định pháp luật .

Xét thấy:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn là tranh chấp về kinh doanh, thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

Tuy nhiên, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 BLTTDS, nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại trong trường hợp *“nếu tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết”*.

Theo các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên thì khoản vay được ngân hàng Z - chi nhánh Đà Nẵng có trụ sở tại đường 30/4, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng giải ngân. Do đó, nguyên đơn lựa chọn Tòa án nhân dân quận H giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng nêu trên là đúng pháp luật.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo về việc xác định quan hệ tranh chấp của Tòa án nhân dân quận H, thấy:

Ngày 29/12/2018, Ngân hàng Z đã bán khoản nợ nêu trên cho Công ty V theo Hợp đồng mua, bán nợ số 6961/2018/MBN.

Ngày 31/01/2019 ngân hàng Z đã có Thông báo số 1407/PVB-QL&TCTTS gửi cho công ty S về việc khoản nợ của công ty S tại ngân hàng Z được chuyển giao cho công ty V theo Hợp đồng mua, bán nợ nêu trên; ngân hàng Z tiếp tục quản lý và thu hồi khoản nợ được chuyển giao theo Hợp đồng ủy quyền số 6992/2018/UQ ngày 29/12/2018.

Căn cứ Hợp đồng mua, bán nợ số 6961 ngày 29/12/2018 và kể từ ngày Hợp đồng mua, bán nợ có hiệu lực thì công ty V có toàn bộ các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm do ngân hàng Z ký với công ty S. Đồng thời, tranh chấp giữa công ty V với công ty S là tranh chấp hợp đồng tín dụng như Tòa án nhân dân quận H xác định là đúng quy định pháp luật.

Như vậy, từ những nhận định và phân tích trên, toàn bộ nội dung kháng cáo của CÔNG TY S không có cơ sở, nên HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận.

[3] Đối với tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn :

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, NGÂN HÀNG Z và CÔNG TY S thống nhất xác định, CÔNG TY S còn nợ CÔNG TY V số tiền: 249.454.299.756 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc: 173.514.133.756 đồng; nợ lãi trong hạn: 66.523.121.181 đồng; nợ lãi quá hạn: 9.417.004.819 đồng (lãi tạm tính đến ngày 26/10/2020). Xét thấy thỏa thuận trên là tự nguyện và không trái luật nên HĐXX phúc thẩm chấp nhận.

Riêng đối với lãi phạt trên lãi chậm trả là: 9.217.354.188 đồng mà cấp sơ thẩm đã buộc CÔNG TY S trả cho VAMC, NGÂN HÀNG Z yêu cầu Tòa án phúc thẩm chấp nhận khoản tiền lãi này, còn CÔNG TY S yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì trước đây, do không hiểu pháp luật, nên CÔNG TY S đã đồng ý thỏa thuận trả khoản tiền lãi phạt trên lãi chậm trả, sau đó bị Tòa án cấp cao hủy theo thủ tục Giám đốc thẩm vì thỏa thuận này là trái pháp luật.

Xét thấy: Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2020/KDTM - ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng đã quyết định: Buộc CÔNG TY S phải trả cho CÔNG TY V tổng số tiền 246.226.548.732 đồng. Trong đó nợ gốc: 173.514.133.756 đồng và nợ lãi 72.712.414.976 đồng (lãi tạm tính đến ngày 21/5/2020).

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn CÔNG TY V không kháng cáo, bị đơn CÔNG TY S không kháng cáo về tổng số tiền phải trả mà chỉ kháng cáo về thẩm quyền thụ lý vụ án và quan hệ tranh chấp.

Theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự: Phạm vi xét xử phúc thẩm: *“Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị”*.

Theo bảng tổng hợp lãi do NGÂN HÀNG Z cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm (BL 335), nợ lãi 72.712.414.976đ (tạm tính đến ngày 21/5/2020), bao gồm:

Lãi (trong hạn và quá hạn) là: 56.297.342.096 đồng.

Lãi phạt trên gốc quá hạn là: 7.197.718.692 đồng.

Lãi phạt trên lãi chậm trả là: 9.217.354.188 đồng.

Xét thấy, trong tổng số tiền lãi nợ lãi 72.712.414.976 đồng, mà cấp sơ thẩm đã tuyên đã bao gồm lãi phạt trên lãi chậm trả là 9.217.354.188 đồng, tuy bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị về lãi phạt trên lãi chậm trả trên, nhưng nhằm giải quyết triệt để và toàn diện vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự theo đúng quy định pháp luật, HĐXX cấp phúc thẩm nhận thấy:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ -HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì:

“1. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01/01/2017 được xác định như sau:

a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được xác định theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất tương ứng với thời hạn vay chưa trả.

b) Lãi trên nợ gốc **quá hạn** chưa trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng.”

Xét thấy, các Hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng giữa ngân hàng NGÂN HÀNG Z và CÔNG TY S được ký xác lập trước ngày 01/01/2017, nên HĐXX cấp phúc thẩm chỉ chấp nhận lãi trên nợ gốc trong hạn và lãi trên nợ gốc quá hạn như hướng dẫn của Nghị quyết trên, không chấp nhận lãi phạt trên lãi chậm trả là: 9.217.354.188 đồng, như yêu cầu của CÔNG TY V và quyết định của bản án sơ thẩm, sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

Như vậy, HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của CÔNG TY V, buộc CÔNG TY S phải trả cho CÔNG TY V tổng cộng: 249.454.299.756 đồng. Trong đó bao gồm nợ gốc: 173.514.133.756 đồng; nợ lãi trong hạn là: 66.523.121.181 đồng và nợ lãi quá hạn là: 9.417.044.819 đồng (lãi tạm tính đến ngày 26/10/2020).

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của CÔNG TY V đối với tiền lãi phạt trên lãi chậm trả là 9.217.354.188 đồng không được cấp phúc thẩm chấp nhận, nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là:

$9.217.354.188 \text{ đồng} = 112.000.000 \text{ đồng} + (0,1\% \times 5.217.354.188 \text{ đồng}) = 112.000.000 \text{ đồng} + 5.217.354 \text{ đồng} = 117.217.354 \text{ đồng}.$

(Đối với tạm ứng án phí 170.907.409 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008702 ngày 16/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, TP Đà Nẵng, theo đơn trình bày ngày 17/4/2023 của ông Nguyễn Văn L – đại diện theo ủy quyền của CÔNG TY V toàn bộ tạm ứng án phí 170.907.409 đồng nêu trên đã được Chi cục THADS quận H hoàn lại cho CÔNG TY V vào ngày 20/01/2021).

Do CÔNG TY S phải trả cho CÔNG TY V tổng số tiền 249.454.299.756 đồng, nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là:

$249.454.299.756 \text{ đồng} = 112.000.000 \text{ đồng} + (0,1\% \times 245.454.299.756 \text{ đồng}) = 112.000.000 \text{ đồng} + 245.454.299 \text{ đồng} = 357.454.299 \text{ đồng}.$

[4] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Kháng cáo của CÔNG TY S không được chấp nhận, tuy nhiên cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, nên CÔNG TY S không phải chịu án phí. Hoàn lại 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm cho CÔNG TY S đã nộp tại biên lai thu số 0009156 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 365, 368, 463, khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Công ty V với Công ty S đối với lãi phạt trên lãi chậm trả với số tiền là: 9.217.354.188 đồng.

Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của Công ty S.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 04/2020/KDTM-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng đối với lãi phạt trên lãi chậm trả.

Xử:

1. Buộc Công ty S phải trả cho Công ty V tổng cộng: **249.454.299.756 đồng (Hai trăm bốn mươi chín tỷ, bốn trăm năm mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn, bảy trăm năm mươi sáu đồng)**. Trong đó bao gồm nợ gốc: 173.514.133.756 đồng; lãi trong hạn là: 66.523.121.181 đồng và lãi quá hạn là: 9.417.044.819 đồng (lãi tạm tính đến ngày 26/10/2020).

Tiền nợ lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 27 tháng 10 năm 2020 theo mức lãi suất (*lãi trong hạn và lãi quá hạn*) mà các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 16/2015/HĐTD - PVB-CNĐNg ngày 02/11/2015; Hợp đồng tín dụng số 17/2015/HĐTD-PVB-CNĐNg ngày 02/11/2015; Hợp đồng tín dụng số 22/2016/HĐTD-PVB-CNĐN ngày 27/7/2016 và Hợp đồng hạn mức tín dụng số 44/2016/HĐHM-PVB-CNĐN ngày 14/11/2016, Phụ lục số PL 01-44/2016/HĐHM - PVB-CNĐN ngày 24/01/2017 cho đến khi tất toán.

2. Xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp Công ty S không trả nợ cho Công ty V, tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp giữa Công ty S với Ngân hàng Z sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật, bao gồm các hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 26/2015/HĐBĐ/PVB-CNĐNg ngày 05/11/2015 và Phụ lục sửa đổi Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: PL01-26/2015/HĐBĐ PVB-CNĐNg ngày 24/01/2017. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn

liên với đất số CAXXX do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/6/2015, sổ vào sổ cấp GCN: CT24736.

- Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số: 28/2015/HĐBD-PVB-CNĐN ngày 19/01/2016.

- Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 22/2016/HĐBD-PVB-CNĐN ngày 27/7/2016 (xe ô tô biển kiểm soát số 43A-XXX theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/7/2016).

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc Công ty S phải hoàn trả lại cho Công ty V số tiền là 2.000.000 đồng.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty V phải chịu là: 117.217.354 đồng (Một trăm mười bảy triệu, hai trăm mười bảy nghìn, ba trăm năm mươi bốn đồng).

- Công ty S phải chịu là: 357.454.299 đồng (Ba trăm năm mươi bảy triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, hai trăm chín mươi chín đồng).

5. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty S không phải chịu án phí. Hoàn lại 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm Công ty S đã nộp tại biên lai thu số 0009156 ngày 08/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADSTP. Đà Nẵng;
- TAND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Năng

